

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 414/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 28-9-2023.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA,
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tam.

Ông Phan Anh Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1230/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 461/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tống Thị Thu T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: 248 ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: nhà không số, tổ C, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2023, bản tự khai ngày 26/6/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Tống Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành T1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2019 ngày 28/01/2019.

Quá trình chung sống anh T1 không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện với anh T1 nhưng anh T1 vẫn không thay

đổi nên đến tháng 10/2022 thì chị với anh T1 sống ly thân. Sau đó thì anh T1 cắt đứt liên lạc với chị từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành T1.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Tổng Thanh T2, sinh ngày 08/7/2019. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T2 và tạm thời không yêu cầu anh Nguyễn Thành T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, anh Nguyễn Thành T1 đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh T1 tham gia các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T1. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của anh T1 để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự:

Chị Tổng Thị Thu T thực hiện đúng các quy định về quyền của người khởi kiện, đã cung cấp những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, tham gia các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng giấy triệu tập của Tòa án và có mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thành T1 trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành, vắng mặt không có lý do.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu ly hôn của chị Tổng Thị Thu T thì căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh Nguyễn Thành T1 không còn quan tâm đến chị T, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tổng Thị Thu T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Tổng Thị Thu T, anh Nguyễn Thành T1 có 01 con chung tên Nguyễn Tổng Thanh T2, sinh ngày 08/7/2019. Khi ly hôn, chị Tổng Thị Thu T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T2 và tạm thời không yêu cầu anh Nguyễn Thành T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Tổng Thị Thu T giao con chung là cháu Nguyễn Tổng Thanh T2, sinh ngày 08/7/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện cháu T2 đang ở với chị T, do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời anh

T1 cũng không cung cấp ý kiến của mình về việc nuôi con chung, không cung cấp các tài liệu chứng minh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Về yêu cầu cấp dưỡng do chị Tổng Thị Thu T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Tổng Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tổng Thị Thu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Thành T1; đồng thời qua xác minh tại Công an phường P thì anh Nguyễn Thành T1 hiện đang sinh sống tại địa chỉ nhà không số, tổ C, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Anh Nguyễn Thành T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt giấy triệu tập, văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải các bên đương sự được.

Anh Nguyễn Thành T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Tổng Thị Thu T và anh Nguyễn Thành T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2019 ngày 28/01/2019 nên công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Tổng Thị Thu T thì quá trình vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện với anh T1 nhưng anh T1 vẫn không thay đổi nên đến tháng 10/2022 thì chị với anh T1 sống ly thân. Sau đó thì anh T1 cắt đứt liên lạc với chị từ đó đến nay. Nay chị Tổng Thị Thu T làm đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Thành T1 vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

Về phần anh Nguyễn Thành T1 thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập cho anh T1 để làm việc, hòa giải đoàn tụ, đồng thời để anh T1 có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị T. Tuy nhiên anh T1 không lên Tòa để làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ anh T1 không còn quan tâm đến chị T, cũng như không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/8/2023, thì ông Thân Đức B là trưởng khu phố V, phường P xác định vợ chồng anh Nguyễn Thành T1, chị Tống Thị Thu T trong quá trình chung sống không báo chính quyền địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không nắm được.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng anh Nguyễn Thành T1, chị Tống Thị Thu T đã có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân, không còn sự tin tưởng, tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị Tống Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thành T1 là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Tống Thị Thu T, anh Nguyễn Thành T1 có 01 con chung tên Nguyễn Tống Thanh T2, sinh ngày 08/7/2019. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T2 và tạm thời không yêu cầu anh Nguyễn Thành T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung thì hiện cháu T2 do chị T trực tiếp chăm sóc, cháu T2 vẫn đang phát triển bình thường. Trong khi anh Nguyễn Thành T1 không lên Tòa án để làm việc, cũng như không cung cấp các tài liệu chứng minh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, tránh gây xáo trộn về mặt tâm sinh lý của các cháu, cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng, do chị Tống Thị Thu T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thành T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Tống Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và các Điều 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 5, 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Tống Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thành T1.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tống Thanh T2, sinh ngày 08/7/2019 cho chị Tống Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Thành T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.
Anh Nguyễn Thành T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.
3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
4. Về án phí sơ thẩm: Chị Tống Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007667 ngày 15/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị Tống Thị Thu T đã nộp xong.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Tống Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa (01);
- Ủy ban nhân dân P. Phước Tân, TP. Biên Hoà (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ